



Thực trạng giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường Trung học cơ sở Lê Hồng Phong, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Đinh Ngọc Loan Thanh¹, Nguyễn Thị Ngọc Bé²

¹Trường THCS Lê Hồng Phong, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

²Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 20/11/2023

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 15/12/2023

Ngày nhận đăng: 22/12/2023

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Cán bộ quản lý;

Giáo viên;

Học sinh;

Văn hoá ứng xử;

Trường trung học cơ sở.

TÓM TẮT

Mục đích của nghiên cứu này là tìm hiểu thực trạng giáo dục văn hoá ứng xử cho học sinh Trường Trung học cơ sở Lê Hồng Phong, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Những người tham gia nghiên cứu này là 33 cán bộ quản lý và giáo viên, 400 học sinh lớp 6, 7, 8 và lớp 9 của trường trung học cơ sở Lê Hồng Phong. Kết quả khảo sát cho thấy, nhà trường đã thực hiện khá thường xuyên hoạt động giáo dục văn hoá ứng xử cho học sinh và đạt được kết quả khá trên các phương diện: mục tiêu giáo dục; nội dung giáo dục, hình thức và phương pháp tổ chức, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục. Các điều kiện hỗ trợ thực hiện hoạt động giáo dục văn hoá ứng xử cho học sinh đảm bảo. Tuy nhiên, hoạt động này còn nhiều bất cập và hạn chế, một số nội dung ít thực hiện, hình thức và phương pháp tổ chức chưa đa dạng, chưa phát huy hết vai trò của các lực lượng giáo dục trong nhà trường. Kết quả khảo sát sẽ là cơ sở đề xuất các biện pháp giáo dục nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục văn hoá ứng xử cho học sinh của nhà trường.

1. MỞ ĐẦU

VHUX (VHUX) là những chuẩn mực xã hội về ứng xử có tác dụng định hướng cho thái độ, hành vi của con người trong những tình huống ứng xử nảy sinh với bản thân, với người khác, với thế giới xung quanh. Theo tác giả Đỗ Long (2008) “VHUX là hệ thống thái độ và hành vi được xác định để xử lý các mối quan hệ giữa người với người trên các căn cứ pháp lý và đạo lý nhằm thúc đẩy nhanh sự phát triển của cộng đồng và xã hội. Giáo dục VHUX cho học sinh (HS) trung học cơ sở (THCS) là những tác động giáo dục có mục đích, có kế hoạch nhằm trang bị cho các em những tri thức, hiểu biết về chuẩn mực, khuôn mẫu ứng xử, từ đó giúp các em khắc phục những nhược điểm trong giao tiếp, ứng xử do tập quán của địa phương, có kỹ năng ứng xử phù hợp trong các tình huống đa dạng của cuộc sống. Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của văn hóa giao tiếp, ứng xử trong xây dựng và phát triển VHUX cho HS, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1299/QĐ-TTg ngày 30/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Xây dựng VHUX trong trường học giai đoạn 2018-2025” (Thủ tướng Chính phủ, 2018). Mục tiêu chung là “Tăng cường xây dựng VHUX trong trường học nhằm tạo chuyển biến căn bản về ứng xử văn hóa của cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, học sinh, sinh viên để phát triển năng lực, hoàn thiện nhân cách, lối sống văn hóa; xây dựng văn hóa trường học lành mạnh, thân thiện; nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo; góp phần xây dựng con người Việt Nam: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo”. Hay Ngày 12/4/2019 Bộ Giáo dục – Đào tạo đã ban hành Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT Quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019).

Vấn đề VHUX, giáo dục VHUX cho HS cũng được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Có thể kể đến như Tác giả Mạc Văn Trang trong công trình “Giáo dục hành vi đạo đức cho HS nhỏ tuổi” (1983). Trong vài năm gần đây một số đề tài cũng nghiên cứu về vấn đề VHUX của HS trong nhà trường trong đó có thể kể đến

Tác giả liên hệ: Đinh Ngọc Loan Thanh;

Địa chỉ e-mail: loanthanh.lehongphong@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.210.2025>

như Nguyễn Dục Quang và Nguyễn Thị Ngọc Hà (2017) đã chỉ ra tầm quan trọng của ứng xử học đường, biểu hiện của ứng xử học đường trong các mối quan hệ diễn ra trong nhà trường, lớp học cùng những yếu tố tác động đến việc hình thành VHUX học đường. Theo tác giả Nguyễn Thị Ngọc Hà (2017), VHUX học đường là một yêu cầu đối với cá nhân trong sự tương tác đa dạng với môi trường học đường để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của nhà trường. Trong cuốn sách “Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho HS”, tác giả Nguyễn Dục Quang (2016) đã nhận định rằng: Các mối quan hệ ứng xử trong nhà trường là một thành phần trong hệ thống các giá trị cốt lõi để phát triển văn hóa nhà trường. Mỗi nhà trường tự đề ra bộ quy tắc ứng xử và cụ thể hóa các quy tắc ứng xử có văn hóa trong mọi hoạt động giáo dục để tạo bầu không khí nghiêm túc nhưng cởi mở, thân thiện trong mối quan hệ người - người: giáo viên (GV), HS, cha mẹ HS, khách đến trường... cũng như sự ứng xử phù hợp với môi trường. Nhóm tác giả Nguyễn Thanh Hùng, Đinh Thị Phương Loan (2022) đã nghiên cứu Thực trạng văn hóa ứng xử của học sinh các trường trung học phổ thông thành phố Huế, kết quả cho thấy đại đa số HS và GV đều đánh giá cao vai trò của VHUX trong nhà trường phổ thông. Đa phần HS đều thực hiện tốt các biểu hiện VHUX thông qua sự tuân thủ các quy tắc. Các yêu cầu chuẩn mực về VHUX đều được GV và HS đồng ý ở mức độ cao. Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn tồn tại những biểu hiện về VHUX ở HS chưa tốt. Trong các công trình nghiên cứu nêu trên, các tác giả đều đã đi nghiên cứu và làm rõ VHUX, những biểu hiện của VHUX cũng như vai trò của việc giáo dục VHUX trong nhà trường.

Nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục VHUX cho HS, Trường THCS Lê Hồng Phong luôn quan tâm xây dựng văn hóa nhà trường nói chung và VHUX nói riêng. Sau bốn năm thành lập, nhà trường đã đạt được một số kết quả trong công tác xây dựng VHUX như: thành lập được Tổ tư vấn Tâm lý học đường; xây dựng được quy định về đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trường học, GV, nhân viên nhà trường luôn giúp đỡ, quan tâm lẫn nhau; HS học tập tích cực, chủ động, lễ phép,... Bên cạnh đó, ở trường có một vài biểu hiện tiêu cực đáng lo ngại như tác phong chưa chuẩn mực, chưa thống nhất trong ứng xử. Một số ít GV, nhân viên còn có những lời lẽ thiếu tế nhị, không phù hợp với môi trường sư phạm. Những vấn đề hạn chế đó nếu không được cải thiện sẽ làm ảnh hưởng đến công tác xây dựng quy tắc ứng xử văn hóa của nhà trường.

Bài báo trình bày thực trạng hoạt động giáo dục VHUX cho HS trường THCS Lê Hồng Phong, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đây là cơ sở thực tiễn để nghiên cứu đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục VHUX cho HS trường THCS Lê Hồng Phong, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT

- *Khách thể khảo sát*: Tiến hành khảo sát bằng phiếu trưng cầu ý kiến 02 cán bộ quản lý (CBQL) (Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng); 03 Cán bộ phòng GD&ĐT; 28 GV và Tổ trưởng chuyên môn; 400 HS lớp 6, 7, 8 và lớp 9 của trường THCS Lê Hồng Phong, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. *Thời gian khảo sát*: từ tháng 5 đến tháng 8 năm 2023

- *Phương pháp nghiên cứu*: Phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi, và phỏng vấn. Bảng hỏi được thiết kế theo thang Likert 5 bậc, tương ứng với 5 mức độ, từ 1 đến 5, cụ thể ở mức độ thực hiện: 1= Không thực hiện; 2 = Hiếm khi; 3 = thỉnh thoảng; 4 = Khá thường xuyên; 5 = Rất thường xuyên; Đối với kết quả thực hiện: 1 = Kém; 2 = Yếu; 3 = Trung bình; 4 = Khá; 5 = Tốt. Mức đánh giá theo khoảng điểm: 1,00-1,80: Không thực hiện/Kém/Hoàn toàn chưa đáp ứng; 1,81-2,60: Hiếm khi/Yếu/Chưa đáp ứng; 2,61-3,40: Thỉnh thoảng/Trung bình/Đáp ứng ở mức trung bình; 3,41-4,20: Khá thường xuyên/Khá/Đáp ứng khá tốt; 4,21-5,00: Rất thường xuyên/Tốt/Đáp ứng rất tốt. Với câu hỏi có 4 mức độ, từ 1 đến 4, cụ thể ở mức độ quan trọng: 1= Không quan trọng; 2= Ít quan trọng; 3= Khá quan trọng; 4= Rất quan trọng.

Số liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS 24. Các thông số thống kê được sử dụng trong nghiên cứu gồm: tỉ lệ %, ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn, hệ số tương quan r: *:p<0,05; **:p<0,01.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VHUX CHO HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ HỒNG PHONG

3.1. Thực trạng thực hiện mục tiêu hoạt động giáo dục VHUX cho học sinh Trường Trung học cơ sở Lê Hồng Phong

Từ bảng 1 ta thấy, về nhận thức, các mục tiêu 1.1, 1.2 và 1.3 đều đạt mức độ thực hiện “Khá”. Cụ thể, mục tiêu 1.1 về tạo sự chuyển biến trong nhận thức HS về vai trò của hoạt động giáo dục VHUX cho HS đã được thực hiện khá tốt, thể hiện qua việc HS đã nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động giáo dục VHUX trong việc hình thành và phát triển nhân cách của bản thân. Mục tiêu 1.2 về HS có hành vi ứng xử có văn hóa đối với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và với chính bản thân HS cũng đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. HS đã có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của việc ứng xử văn hóa, thể hiện qua việc HS có ý thức bảo vệ môi trường, ứng xử văn minh nơi công cộng, có ý thức tự chăm sóc bản thân. Mục tiêu 1.3 về hình thành nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của việc ứng xử văn hoá với bản thân, với mọi người, với công việc, với cộng đồng, với đất

nước, với môi trường tự nhiên cũng đã được thực hiện khá tốt. HS đã có nhận thức đúng đắn về các chuẩn mực ứng xử trong các mối quan hệ xã hội. Về thái độ, mục tiêu 2.1 về hình thành cho HS có thái độ tự trọng, tự tin vào khả năng của bản thân; Có trách nhiệm với hành động của mình; yêu thương, tôn trọng con người đã đạt mức độ thực hiện “Khá”. HS đã có thái độ tự trọng, tự tin, có trách nhiệm với hành động của mình, yêu thương, tôn trọng con người.

Bảng 1. Đánh giá của CBQL, GV và HS về thực trạng thực hiện mục tiêu hoạt động giáo dục VHUX cho HS

STT	Mục tiêu giáo dục VHUX cho HS	Đánh giá của CBQL, GV				Đánh giá của HS			
		Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
I	Về nhận thức								
1.1	Tạo sự chuyển biến trong nhận thức HS về vai trò của hoạt động giáo dục VHUX cho HS	4,18	0,68	3,91	0,68	3,70	0,96	3,92	0,91
1.2	HS có hành vi ứng xử có văn hóa đối với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và với chính bản thân HS	3,42	1,15	4,24	0,66	3,78	0,96	3,74	0,95
1.3	Hình thành nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của việc ứng xử văn hoá với bản thân, với mọi người, với công việc, với cộng đồng, với đất nước, với môi trường tự nhiên	3,85	1,03	3,76	0,90	4,03	0,87	3,88	0,97
II	Về thái độ								
2.1	Hình thành cho HS có thái độ tự trọng, tự tin vào khả năng của bản thân; Có trách nhiệm với hành động của mình; yêu thương, tôn trọng con người	4,30	0,81	4,21	0,55	3,81	1,02	4,01	0,91
III	Về hành vi								
3.1	HS nhận diện, đánh giá hành vi ứng xử của bản thân và những người xung quanh theo các chuẩn mực xã hội đã quy định	4,09	0,77	3,82	1,07	4,04	0,87	3,88	0,95
3.2	HS lựa chọn và thực hiện nghiêm túc, gương mẫu các hành vi ứng xử phù hợp với chuẩn mực trong các mối quan hệ và tình huống đơn giản, cụ thể của cuộc sống	3,97	0,88	4,06	1,06	3,70	0,96	3,92	0,91
ĐTB chung		3,97	0,89	4,00	0,82	3,84	0,94	3,89	0,93

*Chú thích: Điểm trung bình: ĐTB ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); ĐLC: Độ lệch chuẩn

Về hành vi, các mục tiêu 3.1 và 3.2 đều đạt mức độ thực hiện “Khá”. Cụ thể, mục tiêu 3.1 về HS nhận diện, đánh giá hành vi ứng xử của bản thân và những người xung quanh theo các chuẩn mực xã hội đã quy định đã được thực hiện khá tốt. HS đã có khả năng nhận diện, đánh giá hành vi ứng xử của bản thân và những người xung quanh theo các chuẩn mực xã hội. Mục tiêu 3.2 về HS lựa chọn và thực hiện nghiêm túc, gương mẫu các hành vi ứng xử phù hợp với chuẩn mực trong các mối quan hệ và tình huống đơn giản, cụ thể của cuộc sống cũng đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. HS đã có khả năng lựa chọn và thực hiện nghiêm túc, gương mẫu các hành vi ứng xử phù hợp với chuẩn mực trong các mối quan hệ và tình huống đơn giản, cụ thể của cuộc sống.

Theo kết quả khảo sát, mức độ thực hiện mục tiêu hành vi của hoạt động giáo dục VHUX cho HS ở trường THCS đạt 3,92 điểm, tương đương mức “Khá”. Đánh giá của CBQL, GV và HS về mức độ thực hiện mục tiêu hành vi có sự tương đồng, với điểm trung bình lần lượt là 3,92 và 3,97. Về mục tiêu 3.1, về HS nhận diện, đánh giá hành vi ứng xử của bản thân và những người xung quanh theo các chuẩn mực xã hội đã quy định, cả CBQL, GV và HS đều đánh giá mức độ thực hiện mục tiêu này khá tốt. HS đã có khả năng nhận diện, đánh giá hành vi ứng xử của bản thân và những người xung quanh theo các chuẩn mực xã hội đã quy định. Điều này được thể hiện qua việc HS biết nhận ra những hành vi ứng xử đúng, sai, đẹp, xấu trong các mối quan hệ xã hội. Về mục tiêu 3.2, HS lựa chọn và thực hiện nghiêm túc, gương mẫu các hành vi ứng xử phù hợp với chuẩn mực trong các mối quan hệ và tình huống đơn giản, cụ thể của cuộc sống, đánh giá của CBQL và GV cao hơn đánh giá của HS. CBQL và GV cho rằng, HS đã có khả năng lựa chọn và thực hiện nghiêm túc, gương mẫu các hành vi ứng xử phù hợp với chuẩn mực trong các mối quan hệ và tình huống đơn giản, cụ thể của cuộc sống. Tuy nhiên, HS đánh giá mức độ thực hiện mục tiêu này thấp hơn, thể hiện qua việc HS cho rằng, bản thân vẫn còn mắc một số lỗi trong ứng xử, chưa thực sự nghiêm túc trong việc thực hiện các hành vi ứng xử có văn hóa.

3.2. Thực trạng thực hiện nội dung hoạt động giáo dục VHUX cho học sinh Trường Trung học cơ sở Lê Hồng Phong

Kết quả nghiên cứu ở bảng 2 cho thấy các nội dung hoạt động giáo dục VHUX cho HS theo đánh giá của CBQL, GV là khá tích cực. Đa số các nội dung đều đạt được mức độ thực hiện cao, từ trung bình trở lên. ĐTB

chung của CBQL và GV là 4,03, của HS là 3,97. Điều này cho thấy nhà trường đã quan tâm thực hiện nội dung hoạt động giáo dục VHUX cho HS, đáp ứng được yêu cầu của đổi mới giáo dục.

Bảng 2. Đánh giá của CBQL, GV và HS về thực trạng thực hiện nội dung hoạt động giáo dục VHUX cho HS

STT	Nội dung giáo dục VHUX cho HS	Đánh giá của CBQL, GV				Đánh giá của HS			
		Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Đối với thầy cô giáo trong nhà trường									
1	Luôn thể hiện sự kính trọng, lịch sự, lễ phép với thầy, cô và nhân viên trong nhà trường	4,21	0,78	3,82	0,81	4,14	1,01	4,08	0,91
2	Cư xử có chuẩn mực với thầy, cô giáo và nhân viên trong nhà trường	3,24	0,90	4,21	0,70	3,98	1,00	4,02	0,94
3	Biết nhận lỗi, sửa sai; Biết lắng nghe khi được thầy cô góp ý, khuyên bảo	4,18	0,85	3,88	0,74	3,95	1,06	3,92	0,99
4	Biết kiềm chế cảm xúc, thể hiện thái độ, hành vi đúng mực khi có quan điểm trái ngược với thầy, cô	3,94	0,79	3,91	0,68	3,69	1,13	3,88	0,93
5	Tự tin khi bày tỏ ý kiến, quan điểm với thầy, cô	3,58	0,56	3,61	0,79	3,58	0,96	3,78	0,95
6	Sử dụng ngôn ngữ phù hợp trong giao tiếp, ứng xử với thầy, cô	4,27	0,67	3,67	0,82	3,97	1,00	3,80	1,05
Đối với bản thân HS									
7	Hành vi ứng xử trung thực, khiêm tốn, không nói tục, chửi thề, giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể	4,30	0,92	4,33	0,60	3,65	1,06	3,73	1,05
8	Trang phục đúng mực, giản dị, phù hợp với bản sắc dân tộc	3,82	0,77	3,82	0,81	3,84	1,00	3,69	1,03
9	Sống có trách nhiệm với bản thân, không hủy hoại thân thể, danh dự, nhân phẩm, tài sản của bản thân	4,18	0,81	3,88	0,82	3,74	1,10	3,97	1,05
10	Quý trọng bản thân, không sử dụng, trao đổi sản phẩm có nội dung kích động bạo lực, đồi trụy, có hại cho sự phát triển lành mạnh của bản thân	4,24	0,56	4,27	0,63	3,94	1,08	4,02	1,18
11	Hiếu thảo, kính trọng, lễ phép với ông bà, cha mẹ	4,30	0,59	3,91	0,52	3,92	1,09	4,06	0,99
12	Biết kính trên nhường dưới, quan tâm đến mọi người trong gia đình	4,06	0,61	3,55	1,09	4,01	1,03	3,99	1,00
13	Biết giữ gìn truyền thống gia đình	3,82	0,73	4,06	0,75	3,75	1,09	3,84	1,10
Đối với bạn bè									
14	Có cử chỉ nhã nhặn, lịch sự; Giữ đúng lời hứa, giờ hẹn	4,33	0,54	3,88	0,49	3,72	1,07	3,89	1,03
15	Biết quan tâm chia sẻ, sẵn sàng giúp đỡ bạn bè trong học tập và trong cuộc sống	4,18	0,64	4,15	0,83	3,92	0,99	3,86	1,03
16	Biết thể hiện thái độ trước những hành vi đúng, sai	3,91	0,91	4,21	0,60	3,81	1,08	3,84	1,03
17	Tôn trọng danh dự, nhân cách, lợi ích, sở thích của bạn	4,09	0,63	4,18	0,53	3,74	1,07	3,97	0,97
18	Biết lắng nghe khi được bạn bè góp ý; Biết kiềm chế cảm xúc, thể hiện thái độ, hành vi đúng mực khi có quan điểm trái ngược với bạn	4,09	0,81	3,55	0,79	3,66	1,14	4,03	0,96
19	Tự tin khi bày tỏ ý kiến, quan điểm trước bạn bè	3,82	0,98	3,82	0,77	3,56	0,97	4,01	1,02
Trong học tập, lao động									
20	Quan niệm đúng về lao động, siêng năng, tự giác lao động	3,61	0,93	4,06	0,83	3,62	0,97	3,84	1,00
21	Tôn trọng người lao động, đấu tranh chống lại những hành vi khinh ghét người lao động	4,00	1,12	3,94	0,83	3,96	0,99	3,95	0,99
22	Tích cực, chăm chỉ học tập, không tự ý bỏ học, trốn học, biết giúp đỡ bạn bè trong học tập	3,73	0,94	4,33	0,65	3,98	1,01	3,73	1,00
Trong quan hệ xã hội									
23	Kính trọng, lễ phép, trung thực, ứng xử văn minh với CBQL, giảng viên, nhân viên trong trường	4,03	1,08	4,18	0,53	3,61	1,15	3,90	1,06
24	Thân thiện, trung thực, hợp tác, giúp đỡ và tôn trọng sự khác biệt của bạn bè; Xây dựng mối quan hệ bạn bè trong sáng, lành mạnh	4,06	0,90	4,27	0,57	3,82	0,98	3,98	1,02
25	Kính trọng, lễ phép, trung thực, yêu thương người thân trong gia đình	3,73	1,07	3,88	0,49	4,07	0,93	3,99	0,98
26	Tôn trọng, lễ phép, quan tâm giúp đỡ, có lối ứng xử khiêm tốn, cầu thị trong mối quan hệ với mọi người xung quanh	3,82	0,98	3,64	0,74	4,00	0,95	3,96	0,99
Đối với môi trường									
27	Biết bảo vệ, giữ gìn, làm đẹp cảnh quan tự nhiên của nhà trường	3,85	1,15	4,18	0,73	3,86	0,96	3,92	0,91
28	HS ứng xử trách nhiệm trong việc giữ gìn, bảo vệ và sử dụng tiết kiệm trang thiết bị của nhà trường	3,67	0,99	3,70	0,47	4,04	0,91	3,67	1,13
29	HS có hành vi yêu mến, bảo vệ động vật, không mua bán, giết hại động vật hoang dã, quý hiếm	4,09	0,63	4,09	0,46	3,87	0,94	3,88	1,05
30	Bảo vệ giá trị văn hóa, lịch sử... trên địa bàn	3,76	0,83	4,24	0,66	4,01	1,00	3,85	1,00
ĐTB chung		3,96	0,82	3,97	0,69	3,85	1,02	3,90	1,01

Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm cần được quan tâm và cải thiện, cụ thể là: Cư xử có chuẩn mực với thầy, cô giáo và nhân viên trong nhà trường: ĐTB chung của CBQL là 3,24, của GV là 4,21, của HS là 3,98. Nhà trường đã quan tâm giáo dục HS về cách ứng xử có chuẩn mực với thầy cô giáo và nhân viên trong nhà trường, nhưng HS vẫn chưa thực sự tự giác thực hiện. Để nâng cao hiệu quả giáo dục nội dung này, cần tăng cường các hoạt động giáo dục ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm, giúp HS hiểu rõ hơn về vai trò và trách nhiệm của mình trong việc xây dựng môi trường văn hóa, ứng xử văn hóa trong nhà trường. Biết kiềm chế cảm xúc, thể hiện thái độ, hành vi đúng mực khi có quan điểm trái ngược với thầy, cô: ĐTB chung của CBQL là 3,94, của GV là 3,91, của HS là 3,69. Trường Lê Hồng Phong đã quan tâm giáo dục HS về cách kiềm chế cảm xúc, thể hiện thái độ, hành vi đúng mực khi có quan điểm trái ngược với thầy cô, nhưng HS vẫn chưa thực sự chủ động thực hiện. Để nâng cao hiệu quả giáo dục nội dung này, cần tăng cường các hoạt động giáo dục đạo đức, giáo dục lối sống cho HS, giúp HS hiểu rõ hơn về vai trò và trách nhiệm của mình trong việc xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô.

Nội dung giáo dục VHUX đối với bạn bè, người thân, cộng đồng: Biết yêu thương, giúp đỡ bạn bè, người thân: ĐTB chung của CBQL và GV là 4,13, của HS là 3,95. Nhà trường đã quan tâm giáo dục HS về tình yêu thương, sự giúp đỡ đối với bạn bè, người thân, nhưng HS vẫn chưa thực sự thể hiện rõ nét. Để nâng cao hiệu quả giáo dục nội dung này, cần tăng cường các hoạt động giáo dục đạo đức, giáo dục lối sống cho HS, giúp HS hiểu rõ hơn về ý nghĩa và giá trị của tình yêu thương, sự giúp đỡ. Có ý thức bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên: ĐTB chung của CBQL và GV là 4,23, của HS là 3,88. Nhà trường đã quan tâm giáo dục HS về ý thức bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, nhưng HS vẫn chưa thực sự có hành động cụ thể. Để nâng cao hiệu quả giáo dục nội dung này, cần tăng cường các hoạt động giáo dục môi trường, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho HS, giúp HS hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

Sự tương quan giữa đánh giá của CBQL, GV và HS về thực trạng thực hiện nội dung hoạt động giáo dục VHUX cho HS ở trường THCS nhìn chung là tương đối cao. ĐTB chung của CBQL và GV là 4,03, của HS là 3,97. CBQL, GV và HS có cái nhìn tương đồng về thực trạng thực hiện nội dung hoạt động giáo dục VHUX cho HS. Tuy nhiên, vẫn có một số nội dung có sự khác biệt giữa đánh giá của CBQL và GV với đánh giá của HS. CBQL, GV đánh giá các nội dung nhìn chung cao hơn HS. Thông qua khảo sát trên cho thấy việc giáo dục VHUX cho HS đã được quan tâm nhưng chưa thực sự thỏa đáng. Mức độ thường xuyên của các nội dung chưa đồng đều, thiếu tính triệt để trong quá trình giáo dục HS.

3.3. Thực trạng thực hiện hình thức tổ chức hoạt động giáo dục VHUX cho học sinh Trường Trung học cơ sở Lê Hồng Phong

Bảng 3. Đánh giá của CBQL, GV và HS về thực trạng thực hiện hình thức tổ chức hoạt động giáo dục VHUX cho HS

STT	Các hình thức tổ chức giáo dục VHUX cho HS	Đánh giá của CBQL, GV				Đánh giá của HS			
		Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Giáo dục VHUX thông qua các môn học	3,88	0,96	4,00	0,66	3,64	0,99	3,84	1,01
2	Giáo dục VHUX thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	4,12	0,86	3,88	1,19	4,08	1,00	4,05	0,89
3	Giáo dục VHUX lồng ghép trong các TNTP	4,03	0,73	3,82	1,13	3,87	1,15	3,97	0,99
4	Giáo dục VHUX thông qua các buổi nói chuyện chuyên đề	3,91	0,81	3,76	1,06	3,93	1,04	4,06	0,98
5	Giáo dục VHUX thông qua tấm gương đạo đức của CBQL, cán bộ đoàn đội, GV và nhân viên trong nhà trường	3,42	0,79	4,06	1,00	4,09	0,90	3,88	1,00
6	Giáo dục VHUX thông qua các buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt chi đội	3,70	1,24	4,15	0,83	3,8	0,96	3,91	0,75
7	Giáo dục VHUX lồng ghép vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ	3,97	1,08	3,73	0,76	3,82	1,01	3,95	0,78
8	Giáo dục VHUX thông qua hoạt động phối hợp giữa nhà trường với các lực lượng xã hội, đặc biệt là gia đình	4,12	0,96	4,18	0,47	3,93	0,99	4,03	0,99
9	Giáo dục VHUX thông qua hoạt động của phòng tư vấn học đường	3,36	0,82	3,67	0,92	4,12	0,95	4,17	0,92
10	Thông qua hình thức tự giáo dục của HS	4,06	1,06	3,85	0,87	3,88	0,98	4,14	0,87
	ĐTB chung	3,86	0,93	3,91	0,89	3,92	1,00	4,00	0,92

*Chú thích: Điểm trung bình: ĐTB ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); ĐLC: Độ lệch chuẩn

Dữ liệu nghiên cứu ở bảng 3 cho thấy, đánh giá của CBQL, GV và HS về thực trạng thực hiện hình thức tổ

chức hoạt động giáo dục VHUX cho HS ở trường THCS là tương đối tích cực. ĐTB chung của CBQL, GV và HS là 3,91 và 4,00. Nhà trường đã quan tâm thực hiện đa dạng các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục VHUX cho HS, đáp ứng được yêu cầu của đổi mới giáo dục.

Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm cần được quan tâm và cải thiện, cụ thể: Giáo dục VHUX thông qua các môn học: ĐTB chung của CBQL và GV là 3,88, của HS là 3,64. Nhà trường đã quan tâm lồng ghép nội dung giáo dục VHUX vào các môn học, nhưng HS vẫn chưa thực sự nhận thức rõ về tầm quan trọng của việc học tập các môn học có nội dung giáo dục VHUX. Để nâng cao hiệu quả giáo dục VHUX thông qua các môn học, cần đổi mới phương pháp dạy học, chú trọng phát triển năng lực tư duy, sáng tạo của HS. Giáo dục VHUX lồng ghép trong các HĐNK: ĐTB chung của CBQL và GV là 4,03, của HS là 3,87. Nhà trường đã quan tâm tổ chức các HĐNK, nhưng HS vẫn chưa thực sự tích cực tham gia. Để nâng cao hiệu quả giáo dục VHUX lồng ghép trong các HĐNK, cần tăng cường đổi mới nội dung, hình thức tổ chức các HĐNK, giúp HS thấy được ý nghĩa và lợi ích của việc tham gia các hoạt động này. Quan tâm tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, nhưng HS vẫn chưa thực sự hứng thú. Để nâng cao hiệu quả giáo dục VHUX thông qua các buổi nói chuyện chuyên đề, cần tăng cường đổi mới nội dung, hình thức tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, giúp HS thấy được tính hấp dẫn, lôi cuốn của các buổi nói chuyện này.

Tuy vậy, HS vẫn chưa thực sự nhận thức rõ về tầm quan trọng của việc học tập từ tấm gương đạo đức của những người xung quanh. Để nâng cao hiệu quả giáo dục VHUX thông qua tấm gương đạo đức, cần tăng cường tuyên truyền, giáo dục cho HS về tầm quan trọng của việc học tập từ tấm gương đạo đức của những người xung quanh. HS vẫn chưa thực sự nhận thức rõ về tầm quan trọng của việc phối hợp với các lực lượng xã hội, đặc biệt là gia đình trong giáo dục VHUX. Để nâng cao hiệu quả giáo dục VHUX thông qua hoạt động phối hợp với các lực lượng xã hội, đặc biệt là gia đình, cần tăng cường tuyên truyền, giáo dục cho HS về tầm quan trọng của việc phối hợp với các lực lượng xã hội, đặc biệt là gia đình trong giáo dục VHUX.

3.4. Thực trạng thực hiện phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục VHUX cho học sinh Trường Trung học cơ sở Lê Hồng Phong

Bảng 4. Đánh giá của CBQL, GV và HS về thực trạng thực hiện phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục VHUX cho HS

STT	Các phương pháp giáo dục VHUX cho HS	Đánh giá của CBQL, GV				Đánh giá của HS			
		Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Phương pháp giải quyết tình huống	4,06	1,06	3,88	0,99	4,04	1,02	3,81	1,01
2	Phương pháp đóng vai	3,73	0,80	3,97	0,92	3,75	1,09	3,92	0,98
3	Phương pháp quan sát	3,70	1,05	3,67	1,02	3,99	0,97	3,99	0,98
4	Phương pháp đàm thoại	4,15	0,94	3,88	0,74	3,92	0,86	4,12	0,92
5	Phương pháp trò chơi	3,88	0,96	3,58	0,97	4,09	1,08	3,93	1,11
6	Phương pháp thuyết trình	3,91	1,13	4,12	0,78	3,96	0,79	4,14	0,84
7	Phương pháp giải quyết vấn đề	4,06	0,83	3,79	0,70	3,90	0,95	4,24	0,94
8	Phương pháp thảo luận nhóm	3,82	1,16	3,97	0,81	3,87	0,75	3,95	1,07
9	Phương pháp tổ chức tham quan học tập	4,24	0,79	4,03	0,77	4,05	0,89	4,01	0,83
ĐTB chung		3,95	0,97	3,88	0,86	3,95	0,93	4,01	0,96

*Chú thích: Điểm trung bình: ĐTB ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); ĐLC: Độ lệch chuẩn

Dữ liệu nghiên cứu ở bảng 4 cho thấy, đánh giá của CBQL, GV và HS về thực trạng thực hiện phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục VHUX cho HS ở các trường THCS là tương đối tích cực. ĐTB chung của CBQL, GV và HS về mức độ thực hiện các phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục VHUX là 3,95 và 3,95. Điều này cho thấy các nhà trường đã quan tâm thực hiện đa dạng các phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục VHUX cho HS, đáp ứng được yêu cầu của đổi mới giáo dục. ĐTB chung của CBQL, GV và HS về kết quả thực hiện các phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục VHUX là 3,88 và 4,01. Các phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục VHUX đã góp phần nâng cao nhận thức, hiểu biết và hình thành các giá trị VHUX của HS. Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm cần được quan tâm và cải thiện, cụ thể: Một số phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục VHUX chưa được thực hiện thường xuyên và hiệu quả, cụ thể là phương pháp đóng vai, phương pháp quan sát, phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận nhóm. Kết quả thực hiện một số phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục VHUX chưa cao, cụ thể là phương pháp trò chơi, phương pháp giải quyết vấn đề. Sự tương quan giữa đánh giá của CBQL, GV và của HS về thực trạng thực hiện phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục VHUX cho HS ở các trường THCS nhìn chung là tương đối cao. ĐTB chung của CBQL và GV về mức độ thực hiện các phương pháp

pháp tổ chức hoạt động giáo dục VHUX là 3,95, của HS là 3,88. CBQL và GV có cái nhìn tương đồng về mức độ thực hiện các phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục VHUX cho HS. Nhưng về kết quả thực hiện thì ĐTB chung của CBQL và GV về kết quả thực hiện các phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục VHUX là 3,88 và của HS là 4,01. Điều này cho thấy CBQL và GV đánh giá thấp hơn về kết quả thực hiện các phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục VHUX, trong khi HS đánh giá cao hơn.

3.5. Thực trạng thực hiện việc kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường Trung học cơ sở Lê Hồng Phong

Bảng 5. Đánh giá của CBQL, GV và HS về thực trạng thực hiện việc kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục VHUX cho HS

STT	Kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục VHUX cho HS	Đánh giá của CBQL, GV				Đánh giá của HS			
		Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Nội dung Kiểm tra, đánh giá									
1	Đánh giá quá trình học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của HS	3,91	0,82	3,88	0,91	3,91	0,89	3,81	0,92
2	Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của HS	3,73	0,8	3,97	0,92	3,75	1,09	3,92	0,98
Hình thức kiểm tra									
1	Kiểm tra, đánh giá thường xuyên	3,88	0,96	3,58	0,97	4,09	0,92	3,93	1,11
2	Kiểm tra, đánh giá định kỳ	3,91	1,13	3,92	0,78	3,96	0,79	3,81	0,84
Phương pháp kiểm tra									
1	Phương pháp quan sát	3,82	0,87	3,97	0,81	3,87	0,75	3,95	0,87
2	Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS	3,92	0,79	3,98	0,77	3,91	0,89	4,01	0,83
3	Phương pháp vấn đáp	3,84	0,76	3,92	0,71	3,77	0,85	3,85	0,67
4	Phương pháp kiểm tra viết	3,91	0,76	3,89	0,78	3,96	0,79	3,82	0,84
ĐTB chung		3,85	0,97	3,88	0,86	3,95	0,93	4,01	0,96

*Chú thích: Điểm trung bình: ĐTB ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); ĐLC: Độ lệch chuẩn

Kết quả tại bảng 5 cho thấy: Đánh giá của CBQL, GV và HS về thực trạng thực hiện việc kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục VHUX cho HS ở trường THCS là tương đối tích cực. Về kết quả thực hiện: ĐTB chung của CBQL, GV là 3,88, của HS là 4,01. Các nhà trường đã quan tâm thực hiện việc kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục VHUX cho HS, đáp ứng được yêu cầu của đổi mới giáo dục. Về mức độ thực hiện việc kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục VHUX cho HS ở các trường THCS nhìn chung là tương đối tốt. Điều này thể hiện qua ĐTB chung của CBQL, GV là 3,85, của HS là 3,95.

Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm cần được quan tâm và cải thiện, cụ thể: Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của HS: ĐTB chung của CBQL, GV là 3,73 (kết quả thực hiện là 3,97), của HS là 3,75. Các nhà trường đã quan tâm đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của HS, nhưng vẫn chưa thực sự hiệu quả. Hình thức kiểm tra, đánh giá thường xuyên: ĐTB chung của CBQL, GV là 3,88, của HS là 3,93. Các nhà trường đã thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên kết quả hoạt động giáo dục VHUX cho HS, nhưng vẫn chưa thực sự hiệu quả. Để nâng cao hiệu quả kiểm tra, đánh giá thường xuyên, cần tăng cường sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá linh hoạt, phù hợp với đặc thù của hoạt động giáo dục VHUX. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: ĐTB chung của CBQL, GV là 3,88, của HS là 3,95. Các nhà trường đã sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục VHUX cho HS, nhưng vẫn chưa thực sự hiệu quả.

3.6. Thực trạng điều kiện hỗ trợ thực hiện hoạt động giáo dục VHUX cho học sinh Trường Trung học cơ sở Lê Hồng Phong

Kết quả nghiên cứu ở bảng 6, có thể thấy đa số CBQL, GV và HS đều đánh giá cao về thực trạng điều kiện đảm bảo thực hiện hoạt động giáo dục VHUX cho HS ở các trường THCS. Cụ thể, ĐTB chung là 3,77 (3,79). Nhà trường đã được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tương đối đầy đủ, đội ngũ cán bộ quản lý, GV có trình độ VHUX tương đối cao, nội dung chương trình và kế hoạch giáo dục VHUX được xây dựng phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Các điều kiện được đánh giá cao là: Điều kiện về CSVC, TBDH, giáo dục. Đây là điều kiện quan trọng để tổ chức các hoạt động giáo dục VHUX cho HS. Đa số các trường THCS hiện nay đã được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất tương đối đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục VHUX. Điều kiện về lực lượng tham gia hoạt động giáo dục: Đây là điều kiện quan trọng để triển khai các hoạt

động giáo dục VHUX một cách hiệu quả. Đa số các trường THCS hiện nay đã có đội ngũ cán bộ quản lý, GV được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục VHUX.

Bảng 6. Đánh giá của CBQL, GV và HS về thực trạng điều kiện hỗ trợ thực hiện hoạt động giáo dục VHUX cho HS trường THCS Lê Hồng Phong

STT	Các điều kiện hỗ trợ thực hiện hoạt động giáo dục VHUX cho HS	Đánh giá của CBQL, GV		Đánh giá của HS	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Điều kiện về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, giáo dục	3,82	1,09	3,90	1,03
2	Điều kiện về lực lượng tham gia hoạt động giáo dục	4,06	0,81	3,72	1,09
3	Điều kiện về kinh phí	3,42	0,85	3,71	0,89
4	Điều kiện về thời gian cho hoạt động giáo dục	3,79	0,73	3,81	0,95
ĐTB chung		3,77	0,87	3,79	0,99

**Chú thích: Điểm trung bình: ĐTB ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); ĐLC: Độ lệch chuẩn*

Tuy nhiên, vẫn còn một số điều kiện cần được quan tâm và cải thiện, cụ thể là: Điều kiện về kinh phí: Kinh phí là một trong những điều kiện quan trọng để tổ chức các hoạt động giáo dục VHUX (ĐTB là 3,42 (với HS là 3,71)). Tuy nhiên, hiện nay kinh phí cho hoạt động giáo dục VHUX ở các trường THCS còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục VHUX một cách hiệu quả. Điều kiện về thời gian cho hoạt động giáo dục (ĐTB=3,71): Thời gian dành cho hoạt động giáo dục VHUX ở các trường THCS còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

4. KẾT LUẬN

Bài báo đã phân tích thực trạng hoạt động giáo dục VHUX cho HS Trường Trung học cơ sở Lê Hồng Phong, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Kết quả khảo sát cho thấy nhà trường đã được triển khai thực hiện khá thường xuyên hoạt động giáo dục VHUX cho HS trên các phương diện: mục tiêu giáo dục; nội dung giáo dục, hình thức và phương pháp tổ chức, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục, kết quả đạt được ở mức khá. Các điều kiện hỗ trợ thực hiện hoạt động giáo dục VHUX cho học sinh đảm bảo. Tuy nhiên, hoạt động này còn nhiều bất cập và hạn chế, một số nội dung chỉ thực hiện ở mức thỉnh thoảng, hình thức và phương pháp tổ chức chưa thực sự đa dạng, chưa phát huy hết vai trò của các lực lượng giáo dục trong nhà trường để giáo dục, rèn luyện giáo dục VHUX cho HS. Hoạt động này có biểu hiện chạy theo phong trào, thiếu đầu tư và chưa xác định đúng mục tiêu nên chưa đạt hiệu quả. Những hạn chế, tồn tại của đội ngũ CBQL cũng ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả của công tác giáo dục VHUX cho HS. Để công tác này đạt hiệu quả cao hơn, các nhà trường cần chú trọng nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, Tổng phụ trách Đội và HS về vai trò của hoạt động giáo dục VHUX; Đổi mới nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp giáo dục VHUX cho HS THCS phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường; Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng về kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục VHUX cho các lực lượng tham gia; Tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong hoạt động giáo dục VHUX cho HS; Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục VHUX cho HS.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019). *Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 ban hành Quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên*. Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đỗ, L. (2008). *Tâm lý học với văn hóa ứng xử*. Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin.
- Mạc, V. T. (1983). *Giáo dục hành vi đạo đức cho học sinh nhỏ tuổi*. Nhà xuất bản Giáo dục.
- Nguyễn, D. Q. (2016). *Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn, D. Q., & Nguyễn, T. N. H. (2017). Nghiên cứu về văn hóa ứng xử học đường và giáo dục văn hóa ứng xử học đường. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, (2), 12–17.
- Nguyễn, T. H., & Đinh, T. P. L. (2022). Thực trạng văn hóa ứng xử của học sinh các trường trung học phổ thông thành phố Huế. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế*, 2(62), 97–106.
- Nguyễn, T. N. H. (2017). Vai trò của văn hóa ứng xử học đường. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, (137), 62–65.
- Thủ tướng Chính phủ. (2018). *Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2018 phê duyệt Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018–2025”*. Chính phủ.

Current status of educating behavioral culture for students in le hong phong secondary school, Con Dao district, Ba Ria-Vung Tau province

Dinh Ngoc Loan Thanh¹, Nguyen Thi Ngoc Be²

¹Le Hong Phong Secondary School, Con Dao District, Ba Ria-Vung Tau Province

²University of Education, Hue University

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 20 November 2023

Received in revised form: 15 December 2023

Accepted: 22 December 2023

Published: 20 December 2025

Keywords:

Management staff;

Teachers;

Students;

Behavioral culture;

Secondary school.

Corresponding author:

Dinh Ngoc Loan Thanh

E-mail address:

loanthanh.lehongphong@gmail.com

ABSTRACT

This study aims to understand the current status of educating students on behavioral culture at Le Hong Phong Secondary School, Con Dao district, Ba Ria-Vung Tau province. The participants in this study were 33 administrators and teachers, 400 students in grades 6, 7, 8, and 9 of Le Hong Phong Middle School. Survey results show that the school has regularly carried out educating behavioral culture activities for students and achieved good results in the following aspects: educational goals, educational content, forms and methods of organization, inspection, and evaluation of educational results. Conditions to support implementing educating behavioral culture activities for students are guaranteed. However, this activity still has many things that could be improved. Some contents are rarely implemented, organizational forms and methods need to be more diverse, and the role of educational forces in schools needs to be fully promoted. The survey results will be the basis for proposing educational measures to improve the effectiveness of educating behavioral culture for school students.